

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gò Công Tây, ngày 03 tháng 8 năm 2022

Số: 228/2022/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Văn D – sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: 7/37, số 01 N, khu phố 5, phường 10, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn P - sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn D1:

Bùi Thị R - sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Nguyễn Anh T - sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre

Nguyễn Anh K - sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Nguyễn Thị Châu G - sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Đại diện ủy quyền của bà R, anh K, chị G:

Nguyễn Thị M - sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

+ Nguyễn Thị C - sinh năm 1953

+ Nguyễn Thị H - sinh năm 1959

+ Nguyễn Thị M1 - sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang

+ Nguyễn Thị E - sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

+ Nguyễn Thị M - sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

+ Nguyễn Thị H - sinh năm 1961

Địa chỉ: 9/16, đường N, khu phố 1, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

+ Nguyễn Thị M2 - sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang

* Người bảo vệ quyền và ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị M2, Bùi Thị R: Luật sư Dương Thị Kim L - Văn phòng luật sư Kim L, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Nội dung:

Các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn, tất cả người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thống nhất:

Hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn T và cụ Hồ Thị N gồm: Nguyễn Văn P; Nguyễn Văn D; Nguyễn Văn D1 (chết ngày 25/02/2021) có người thừa kế gồm Bùi Thị R, Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thị Châu G; Nguyễn Thị C; Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị E; Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị M1; Nguyễn Thị M2.

Di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn T và cụ Hồ Thị N để lại gồm:

+ Thừa đất số 522 (thửa mới 431), loại đất L, diện tích 3150m² (diện tích đo đạc thực tế 3542,6m²); Thừa đất 731 (thửa mới 165 và 132), loại đất L, diện tích 4470m² (diện tích đo đạc thực tế 4491,9m²); Thừa đất 940 (thửa mới 278), loại đất TQ, diện tích 2430m² (diện tích đo đạc thực tế 2365,5m²), tờ bản đồ số 2, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 164.QSĐĐ ngày 07/4/1997 được UBND huyện G cấp cho Hồ Thị Nhò, đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Thừa đất 1507, loại đất L, diện tích 780m² (đo đạc thực tế 773,3m²), tờ bản đồ số 2, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Các đồng thừa kế yêu cầu phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn T và cụ Hồ Thị N để lại. Không yêu cầu phân chia các tài sản gì khác.

2.2 Các đương sự thỏa thuận cụ thể như sau:

* Công nhận phần đất thuộc thửa 522 (thửa mới 431), Thửa đất 731 (thửa mới 165 và 132), Thửa đất 940 (thửa mới 278) có diện tích theo giấy 10.830m² qua đo đạc thực tế là 10.400m², trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 164.QSDĐ ngày 07/4/1997 do cụ Hồ Thị N đứng tên. Đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T và cụ Hồ Thị N.

Công nhận phần đất thuộc thửa 1507 có diện tích theo giấy 780m² qua đo đạc thực tế là 773,3m², đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T và cụ Hồ Thị Nh.

* Chia cho bà Nguyễn Thị H được quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 522 (thửa mới 431); có diện tích là 1208,0m², đất chuyên trồng lúa nước; tờ bản đồ số 2 (tờ mới số 5); trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 164.QSDĐ ngày được UBND huyện G cấp ngày 07/4/1997 cho Hồ Thị N; đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Phần đất có vị trí như sau:

- + Hướng Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị H1.
- + Hướng Tây giáp đất ông Võ Thanh P1.
- + Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 522 .
- + Hướng Bắc giáp bờ kênh, kênh rạch lớn.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

* Chia cho ông Nguyễn Văn D được quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 522 (thửa mới 431); có diện tích là 1208,0m², đất chuyên trồng lúa nước; tờ bản đồ số 2 (tờ mới số 5); trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 164.QSDĐ ngày được UBND huyện G cấp ngày 07/4/1997 cho Hồ Thị N; đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Phần đất có vị trí như sau:

- + Hướng Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị H1.
- + Hướng Tây giáp đất ông Võ Thanh P1 và bà Trịnh Thị T.
- + Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 522 .
- + Hướng Bắc giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị H.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D tự nguyện thỏa thuận: ông Nguyễn Văn D tặng cho bà Nguyễn Thị Hết phần đất mà ông Nguyễn Văn D được chia. Bà H được quyền quản lý, sử dụng và được quyền tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để

kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà Nguyễn Thị H được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với phần đất mà ông Nguyễn Văn D được chia.

* Chia cho ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị M2, bà Nguyễn Thị C và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn D1 gồm bà Bùi Thị R, anh Nguyễn Anh T, anh Nguyễn Anh K, chị Nguyễn Thị Châu G được quản lý, sử dụng các phần đất:

Thuộc thửa 731 (thửa mới 132 và 165); có diện tích là 4491,9m², đất chuyên trồng lúa nước; tờ bản đồ số 2 (tờ mới số 9, 10); trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 164.QSDĐ ngày được UBND huyện G cấp ngày 07/4/1997 cho Hồ Thị N; đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Thuộc thửa 940 (thửa mới 278); có diện tích là 2365,5m², tờ bản đồ số 2 (tờ mới số 10); loại đất thổ quả, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 164.QSDĐ ngày được UBND huyện G cấp ngày 07/4/1997 cho Hồ Thị N, đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Thuộc thửa 1507, có diện tích là 773,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Thuộc thửa 522 (thửa mới 431); có diện tích là 1126,6m², đất chuyên trồng lúa nước; tờ bản đồ số 2 (tờ mới số 5); trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 164.QSDĐ ngày được UBND huyện G cấp ngày 07/4/1997 cho Hồ Thị N; đất tại ấp TA, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Phần đất có vị trí như sau:

- + Hướng Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị H1, ông Võ Văn H.
- + Hướng Tây giáp đất bà Trịnh Thị T.
- + Hướng Nam giáp bờ kênh, kênh 14 .
- + Hướng Bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn D (ông D tặng cho đất cho bà Nguyễn Thị Hết).

(Tất cả các thửa đất đều có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí. Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ nộp 16.500.000 đồng án phí nhưng ông D tặng cho bà H nên bà H tự nguyện có nghĩa vụ nộp thay ông D toàn bộ số tiền án phí. Ông D đồng ý cản trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000

đồng theo biên lai thu số 40010 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G cho bà H. Do đó, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp tiếp 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị E; bà Nguyễn Thị M1; bà Nguyễn Thị M2 có nghĩa vụ liên đới nộp 66.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn D1 gồm bà Bùi Thị R, anh Nguyễn Anh T, anh Nguyễn Anh K, chị Nguyễn Thị Châu G có nghĩa vụ liên đới nộp 16.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trong đó bà Bùi Thị R thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí). Do đó, anh Nguyễn Anh T, anh Nguyễn Anh K, chị Nguyễn Thị Châu G có nghĩa vụ liên đới nộp 12.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phan Thị Kiều Oanh

